

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2020**

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Tầng 24, tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành,
Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

NỘI DUNG

TRANG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	11 - 28

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Tầng 24, tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành,
Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hosono Kyohei	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thế Hưởng	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo	Thành viên
Bà Vũ Thị Thúy Hằng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 19 tháng 7 năm 2019)

Ban Giám đốc

Bà Vũ Thị Thúy Hằng	Tổng Giám đốc
Bà Vương Vân Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Khang	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Tầng 24, tòa nhà Icon 4, 243A Đê La Thành,

Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Vương Văn Anh
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 6 năm 2020

0112
CÔNG
TNH
ELOI
·ỆT
ĐA -

Số: 0100 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 6 năm 2020, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 3 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 07 và Thuyết minh số 09 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày 31 tháng 3 năm 2020, khoản mục phải thu ngắn hạn của khách hàng bao gồm số tiền 59.314.807.118 đồng và khoản mục phải thu ngắn hạn khác bao gồm số tiền tạm ứng 13.645.339.439 đồng tồn đọng lâu ngày (tại ngày 31 tháng 3 năm 2019 tương ứng lần lượt là 59.314.807.118 đồng và 13.645.339.439 đồng, các số dư này không biến động kể từ thời điểm 31 tháng 3 năm 2016). Công ty đã trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi toàn bộ các khoản phải thu và tạm ứng nêu trên tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2016 và không điều chỉnh số dự phòng này tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2019 cũng như tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2020. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về tính hiện hữu của các khoản công nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng và tạm ứng nói trên cũng như tính chính xác của giá trị dự phòng tương ứng đã trích lập nêu trên ở niên độ trước. Theo đó, chúng tôi đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng này, chúng tôi cũng không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến các số dư này và các khoản dự phòng liên quan. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này trên báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020 hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trần Xuân Ánh

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0723-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 30 tháng 6 năm 2020

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Vũ Mạnh Hùng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2737-2018-001-1

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Tầng 24, Tòa nhà Icon 4,
243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 01-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		306.773.775.324	313.691.168.957
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	38.542.950.729	35.076.864.947
1. Tiền	111		8.542.950.729	15.076.864.947
2. Các khoản tương đương tiền	112		30.000.000.000	20.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		11.000.000.000	550.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	11.000.000.000	550.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		131.448.351.491	159.299.812.584
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	418.021.823.321	416.396.326.112
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	337.111.372.531	358.279.611.698
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		999.242.500	999.242.500
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	505.592.141.765	505.651.581.803
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(1.130.276.228.626)	(1.122.026.949.529)
IV. Hàng tồn kho	140	11	123.159.626.325	116.950.382.502
1. Hàng tồn kho	141		161.699.842.297	155.801.460.231
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(38.540.215.972)	(38.851.077.729)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.622.846.779	1.814.108.924
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	1.342.021.792	782.743.226
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		968.779.634	1.026.365.698
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	312.045.353	5.000.000

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Tầng 24, Tòa nhà Icon 4,
243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 01-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		308.149.745.146	361.880.578.343
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.748.846.924	2.998.435.887
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	2.748.846.924	2.998.435.887
II. Tài sản cố định	220		277.963.149.418	331.169.151.001
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	277.610.950.284	330.558.525.787
- Nguyên giá	222		772.960.832.042	766.168.191.363
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(495.349.881.758)	(435.609.665.576)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	352.199.134	610.625.214
- Nguyên giá	228		885.000.480	885.000.480
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(532.801.346)	(274.375.266)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		10.347.850.300	10.463.183.584
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	10.347.850.300	10.463.183.584
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	4.520.000.000	2.520.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		72.853.000.000	72.853.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252		750.000.000	750.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		110.750.000.000	110.750.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(184.353.000.000)	(184.353.000.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		4.520.000.000	2.520.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		12.569.898.504	14.729.807.871
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	12.569.898.504	14.729.807.871
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		614.923.520.470	675.571.747.300

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Tầng 24, Tòa nhà Icon 4,
243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 01-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		105.569.445.478	172.203.006.664
I. Nợ ngắn hạn	310		80.787.735.306	147.058.805.835
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	49.538.623.349	107.186.620.937
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.894.975.100	12.042.091.808
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	221.692.162	310.475.296
4. Phải trả người lao động	314		62.659.805	19.628.645
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	23.549.095.085	25.550.433.155
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	1.057.567.838	1.449.555.994
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	500.000.000
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		1.463.121.967	-
II. Nợ dài hạn	330		24.781.710.172	25.144.200.829
1. Phải trả dài hạn khác	337	19	24.781.710.172	25.144.200.829
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		509.354.074.992	503.368.740.636
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	509.354.074.992	503.368.740.636
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.125.001.710.000	1.125.001.710.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.125.001.710.000	1.125.001.710.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		402.288.328.850	402.288.328.850
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		19.211.235.252	19.211.235.252
4. (Lỗ) lũy kế	421		(1.037.147.199.110)	(1.043.132.533.466)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(1.043.132.533.466)	(1.058.692.375.597)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		5.985.334.356	15.559.842.131
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		614.923.520.470	675.571.747.300



Nguyễn Thị Lụa
Người lập biểu



Lê Thị Hà Thanh
Kế toán trưởng




Vương Văn Anh
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 6 năm 2020

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Tầng 24, Tòa nhà Icon 4,
243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 02-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	516.349.645.147	608.222.095.277
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	2.132.139.603	162.325.934
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	21	514.217.505.544	608.059.769.343
4. Giá vốn hàng bán	11	22	403.099.442.138	500.988.077.140
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		111.118.063.406	107.071.692.203
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	3.515.915.375	4.695.285.901
7. Chi phí tài chính	22	25	513.313.604	3.353.927.581
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.038.195	1.140.073.550
8. Chi phí bán hàng	25	26	80.133.080.489	71.576.357.150
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	39.021.585.500	30.680.642.448
10. (Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		(5.034.000.812)	6.156.050.925
11. Thu nhập khác	31	27	13.217.279.932	13.519.559.225
12. Chi phí khác	32	28	2.197.944.764	3.450.037.616
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		11.019.335.168	10.069.521.609
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		5.985.334.356	16.225.572.534
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	-	665.730.403
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		5.985.334.356	15.559.842.131



Nguyễn Thị Lựa
Người lập biểu



Lê Thị Hà Thanh
Kế toán trưởng



Vương Văn Anh
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 6 năm 2020

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Tầng 24, Tòa nhà Icon 4,
243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 03-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.985.334.356	16.225.572.534
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	73.531.708.161	66.383.416.740
Các khoản dự phòng	03	9.401.539.307	(1.188.881.977)
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	199.851.529	1.581.709.608
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(1.454.051.138)	(1.545.718.133)
Chi phí lãi vay	06	9.038.195	1.140.073.550
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	87.673.420.410	82.596.172.322
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	19.674.517.038	(32.394.265.562)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(5.898.382.066)	(50.702.006.846)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(67.796.534.682)	44.203.449.433
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.600.630.801	9.219.799.127
Tiền lãi vay đã trả	14	(9.038.195)	(1.281.671.139)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(567.683.993)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	35.244.613.306	51.073.793.342
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(22.454.532.515)	(31.616.362.836)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.245.595.000	479.952.000
3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(13.000.000.000)	(3.070.000.000)
4. Tiền thu từ đầu tư vào các khoản tiền gửi tại ngân hàng	24	550.000.000	-
5. Tiền thu lãi tiền gửi	27	2.380.409.991	1.309.991.593
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(31.278.527.524)	(32.896.419.243)

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Tầng 24, Tòa nhà Icon 4,
243A Đề La Thành, Phường Láng Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 03-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	14.721.713.218
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(500.000.000)	(15.721.713.218)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	(19.394.493.939)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(500.000.000)	(20.394.493.939)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	3.466.085.782	(2.217.119.840)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	35.076.864.947	37.293.984.787
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	38.542.950.729	35.076.864.947



Nguyễn Thị Lụa
Người lập biểu



Lê Thị Hà Thanh
Kế toán trưởng



Vương Văn Anh
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 6 năm 2020

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT

Tầng 24, Tòa nhà Icon 4,
243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 27 tháng 9 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2020 là 203 người (ngày 31 tháng 3 năm 2019: 222 người).

Ngành nghề và hoạt động kinh doanh

Công ty hoạt động trong ngành y.

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế, thiết bị điện, vật liệu điện;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- Cho thuê máy móc, thiết bị y tế;
- Kinh doanh phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các công ty con, công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2020 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty con				
Công ty TNHH Kyoto Medical Science	Hà Nội	100	100	Đại lý, buôn bán thiết bị và dụng cụ y tế; lắp đặt sửa chữa, bảo trì thiết bị y tế; sản xuất lắp ráp thiết bị y tế
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín	TP. Hồ Chí Minh	25	25	Đại lý, buôn bán thiết bị và dụng cụ y tế; lắp đặt sửa chữa, bảo trì thiết bị y tế; sản xuất lắp ráp thiết bị y tế

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2019.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 và kết thúc vào ngày 31 tháng 3 của năm tiếp theo.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm

1125
ÔNG
TNH
LOI
ET N
ĐA -

chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc và thiết bị	02 - 12
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng từ 03 năm đến 05 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng; chi phí sửa chữa, bảo hành thiết bị, làm phòng để tài sản liên kết, đặt máy; cải tạo, sửa chữa văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hoạt động khai thác thiết bị y tế từ các hợp đồng liên kết với các bệnh viện được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở lợi nhuận thực tế sử dụng của thiết bị y tế liên quan được tính toán trên biên bản đối chiếu hàng tháng giữa Công ty và các bệnh viện. Lợi nhuận được chia từ các hợp đồng liên kết này được ghi nhận trên cơ sở thuần (được tính bằng tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận của hoạt động liên kết mà Công ty được hưởng).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2020, Công ty có khoản lỗ tính thuế có thể được sử dụng để khấu trừ vào thu nhập (nếu có) của những năm tiếp theo, Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại do không chắc chắn về lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	1.190.009.000	3.234.028.180
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.352.941.729	11.842.836.767
Các khoản tương đương tiền (i)	30.000.000.000	20.000.000.000
	38.542.950.729	35.076.864.947

(i) Thể hiện giá trị các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,75% đến 5%/năm.

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn tại ngày 31 tháng 3 năm 2020 thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng, kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng tại ngân hàng Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành, lãi suất 6,9%/năm, lãi trả cuối kỳ.

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con				
- Công ty TNHH Kyoto Medical Science	72.853.000.000	72.853.000.000	72.853.000.000	72.853.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết				
- Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín	750.000.000	750.000.000	750.000.000	750.000.000
Đầu tư vào đơn vị khác				
- Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Triết Tôn Tiên (I)	110.750.000.000	110.750.000.000	110.750.000.000	110.750.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
- Trái phiếu ngân hàng BIDV (ii)	4.520.000.000	-	2.520.000.000	-
	188.873.000.000	184.353.000.000	186.873.000.000	184.353.000.000

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

(i) Đây là khoản đầu tư vào dự án liên kết thiết bị y tế cùng với Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Triết Tôn Tiên tại hai bệnh viện ở Thành phố Hồ Chí Minh.

(ii) Thể hiện giá trị của trái phiếu do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát hành, được Công ty nắm giữ, bao gồm:

- 252 trái phiếu phát hành ngày 19 tháng 12 năm 2018, với mệnh giá 10.000.000 đồng/trái phiếu, thời hạn 7 năm đến ngày 19 tháng 12 năm 2025. Lãi suất trái phiếu bằng lãi suất trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, lãi trả sau, áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của bốn (04) Ngân hàng Tham chiếu tại ngày xác định lãi suất + 0,8%/năm. Lãi trả sau, được thanh toán định kỳ một năm một lần.

- 2 trái phiếu phát hành ngày 30 tháng 12 năm 2019, với mệnh giá 1.000.000.000 đồng/trái phiếu, thời hạn 6 năm đến ngày 30 tháng 12 năm 2025. Lãi suất trái phiếu bằng lãi suất trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, lãi trả sau, áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức của bốn (04) Ngân hàng Tham chiếu tại ngày xác định lãi suất + 1,4%/năm. Lãi trả sau, được thanh toán định kỳ một năm một lần.

Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty con		
Công ty TNHH Kyoto Medical Science	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín (i)	Không có thông tin	Không có thông tin

- (i) Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Tín.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Công ty Cổ phần Đầu tư A1	88.842.829.825	88.842.829.825
- Công ty TNHH Thương Mại Hướng Đông	58.647.065.137	58.647.065.137
- Khách hàng khác	270.531.928.359	268.906.431.150
	418.021.823.321	416.396.326.112
Trong đó:		
Phải thu khách hàng là bên liên quan	29.500.000	7.500.000
(chi tiết tại Thuyết minh số 31)		

Số dư phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 31 tháng 3 năm 2020 bao gồm 59.314.807.118 đồng tồn đọng lâu ngày (tại ngày 31 tháng 3 năm 2019 là 59.314.807.118 đồng, số dư không biến động kể từ thời điểm 31 tháng 3 năm 2016). Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ khoản phải thu nêu trên tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2016 và không điều chỉnh số dư phòng này tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2019 cũng như tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2020.

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- JWB Co., Ltd.	190.230.906.514	190.230.906.514
- Công ty TNHH Kyoto Medical Science	38.033.256.592	38.393.256.592
- Nishimura Medical Instrument	29.872.783.121	29.872.783.121
- Công ty TNHH Công trình và Trang thiết bị Y tế	24.725.000.000	24.725.000.000
- Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh thuốc, thiết bị y tế RC	21.080.000.000	21.080.000.000
- Gold Lite PTE. Ltd	14.851.200.000	14.851.200.000
- Các đối tượng khác	18.318.226.304	39.126.465.471
	337.111.372.531	358.279.611.698
Trong đó:		
Trả trước cho người bán là bên liên quan	38.033.256.592	38.393.256.592
(chi tiết tại Thuyết minh số 31)		

9. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn	505.592.141.765	505.651.581.803
- Tiền ứng trước, bảo lãnh và thanh toán hộ (i)	403.295.265.000	403.295.265.000
- Tạm ứng cho nhân viên (ii)	92.604.329.087	92.528.684.740
- Phải thu nhân viên liên quan đến tiền mặt thiếu chờ xử lý	3.477.746.986	3.477.746.986
- Phải thu cơ quan chức năng liên quan đến tiền mặt thiếu chờ xử lý	2.261.219.600	2.261.219.600
- Vốn liên kết với các bệnh viện	1.033.593.750	1.033.593.750
- Ký quỹ ngắn hạn	452.480.000	2.156.361.097
- Phải thu khác	2.467.507.342	898.710.630
b. Dài hạn	2.748.846.924	2.998.435.887
- Vốn liên kết với các bệnh viện	1.664.970.639	2.386.259.602
- Ký quỹ dài hạn	1.083.876.285	612.176.285
	508.340.988.689	508.650.017.690

- (i) Đây là khoản tiền Công ty ứng trước, bảo lãnh, thanh toán hộ liên quan đến các nhân viên quản lý chủ chốt tiền nhiệm. Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ giá trị các khoản phải thu khác này do đánh giá không còn khả năng thu hồi.
- (ii) Số dư các khoản tạm ứng tại ngày 31 tháng 3 năm 2020 bao gồm 13.645.339.439 đồng tồn đọng lâu ngày (tại ngày 31 tháng 3 năm 2019 là 13.645.339.439 đồng, số dư không biến động kể từ thời điểm 31 tháng 3 năm 2016). Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ khoản tạm ứng nêu trên tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2016 và không điều chỉnh số dự phòng này tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2019 cũng như tại thời điểm 31 tháng 3 năm 2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

10. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu ngắn hạn khách hàng	317.299.224.437		8.785.485.378	24.411.908.398
Công ty Cổ phần đầu tư A1	88.842.829.825	Trên 3 năm	-	-
Công ty TNHH Thương Mại Hướng Đông	58.647.065.137	Trên 3 năm	-	-
Công ty TNHH Thiết bị kỹ thuật HB	33.792.574.163	Trên 3 năm	-	-
Công ty Cổ phần thiết bị y tế Triết Tôn Tiên	17.538.520.392	Không xác định	-	-
Công ty TNHH Công trình và Trang thiết bị Y tế	10.797.500.000	Trên 3 năm	-	-
Các đối tượng khác	107.680.734.920	Từ 6 tháng-trên 3 năm	8.785.485.378	24.411.908.398
Trả trước cho người bán ngắn hạn	322.087.569.384			
JWB Co., Ltd.	190.230.906.514	Không xác định	-	-
Công ty TNHH Kyoto Medical Science	38.033.256.592	Không xác định	-	-
Nishimura Medical Instrument Co., Ltd	29.872.783.121	Không xác định	-	-
Công ty TNHH Công trình và Trang thiết bị Y tế	24.725.000.000	Không xác định	-	-
Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh thuốc, thiết bị y tế RC	21.080.000.000	Không xác định	-	-
Gold Lite PTE. Ltd	14.851.200.000	Không xác định	-	-
Các đối tượng khác	3.294.423.157	Không xác định	-	-
Phải thu ngắn hạn khác	500.953.451.264		2.277.773.581	2.297.466.685
Tiền ứng trước, bảo lãnh và thanh toán hộ	403.295.265.000	Không xác định	-	-
Tạm ứng cho nhân viên và nhân viên quản lý chủ chốt tiền nhiệm	91.315.428.346	Không xác định	16.553.981	36.247.085
Phải thu liên quan đến chênh lệch tiền mặt chờ xử lý	5.738.966.586	Không xác định	2.261.219.600	2.261.219.600
Các đối tượng khác	603.791.332	Không xác định	-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	999.242.500			
Bệnh viện Đa khoa Huyện Lâm Thao	999.242.500	Trên 3 năm	-	-
	1.141.339.487.585		11.063.258.959	1.148.736.324.612
				26.709.375.083

Ban Giám đốc Công ty không xác định thời gian quá hạn đối với các khoản công nợ trả trước cho người bán ngắn hạn và phải thu ngắn hạn khác.

Ban Giám đốc Công ty trích lập dự phòng cho các khoản công nợ phải thu ngắn hạn khó đòi dựa trên những đánh giá về tình hình tài chính thực tế và khả năng thu hồi nợ từ các đối tượng nợ. Giá trị có thể thu hồi bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng.

DA-
TN
917
HH
G
250

11. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	13.067.745.256	-	50.142.439.215	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	992.020.037	-	-	-
Hàng hoá	142.167.910.903	(38.540.215.972)	97.273.768.059	(38.851.077.729)
Hàng gửi bán	5.472.166.101	-	8.385.252.957	-
Cộng	161.699.842.297	(38.540.215.972)	155.801.460.231	(38.851.077.729)

Trong năm, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 1.207.476.499 đồng (năm trước: 1.938.514.984 đồng) do Công ty đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của các hàng hóa này thấp hơn so với giá ghi sổ căn cứ theo đánh giá của Ban Giám đốc Công ty. Đồng thời, Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 1.518.338.256 đồng (năm trước: 1.494.737.946 đồng) do Công ty đã bán được các hàng hóa đã trích lập dự phòng tại ngày 31 tháng 3 năm 2019 trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn	1.342.021.792	782.743.226
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	714.197.067	367.032.950
- Các khoản khác	627.824.725	415.710.276
b. Dài hạn	12.569.898.504	14.729.807.871
- Chi phí sửa chữa, bảo hành thiết bị, làm phòng để tài sản liên kết, đặt máy	11.044.056.353	9.806.818.269
- Cải tạo, sửa chữa văn phòng	1.134.531.037	2.769.555.285
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	167.890.810	1.265.448.191
- Các khoản khác	223.420.304	887.986.126
	13.911.920.296	15.512.551.097

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	739.921.341.266	25.946.428.740	300.421.357	766.168.191.363
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	18.920.620.126	3.649.245.673	-	22.569.865.799
Thanh lý, nhượng bán trong năm	(11.070.595.956)	(4.706.629.164)	-	(15.777.225.120)
Số dư cuối năm	747.771.365.436	24.889.045.249	300.421.357	772.960.832.042
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	420.397.764.489	15.053.382.146	158.518.941	435.609.665.576
Khấu hao trong năm	70.725.139.212	2.470.303.453	77.839.416	73.273.282.081
Thanh lý nhượng bán trong năm	(10.684.396.398)	(2.848.669.501)	-	(13.533.065.899)
Số dư cuối năm	480.438.507.303	14.675.016.098	236.358.357	495.349.881.758
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	319.523.576.777	10.893.046.594	141.902.416	330.558.525.787
Tại ngày cuối năm	267.332.858.133	10.214.029.151	64.063.000	277.610.950.284

Công ty đã thế chấp máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 3 năm 2020 là 15.108.947.351 đồng (ngày 31 tháng 3 năm 2019: 41.793.809.072 đồng) để đảm bảo cho các hợp đồng hạn mức vay, bảo lãnh với ngân hàng.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2020, nguyên giá của TSCĐ hữu hình bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 135.383.660.935 đồng (ngày 31 tháng 3 năm 2019: 124.599.550.403 đồng).

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	885.000.480
Số dư cuối năm	885.000.480
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	274.375.266
Khấu hao trong năm	258.426.080
Số dư cuối năm	532.801.346
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Số dư đầu năm	610.625.214
Số dư cuối năm	352.199.134

15. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
- Dự án máy MRI Aperto Lucent lắp đặt cho thuê	10.239.353.300	-
- Dự án máy CT 32 lát Supria liên kết	-	3.944.737.850
- Dự án máy CT 32 lát Supria cho xe khám lưu động	-	5.017.026.762
- Các dự án khác	108.497.000	1.501.418.972
	10.347.850.300	10.463.183.584

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Nộp thừa	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Nộp thừa	Phải nộp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-	10.069.909.892	10.069.909.892	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	1.038.769.135	1.038.769.135	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.000.000	-	-	-	5.000.000	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	310.475.296	5.995.145.368	6.390.973.855	307.045.353	221.692.162
Thuế khác	-	-	842.664.817	842.664.817	-	-
	5.000.000	310.475.296	17.946.489.212	18.342.317.699	312.045.353	221.692.162

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẦN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
		VND		VND
- Hitachi Medical Instrument Co., Ltd.	21.807.192.000	21.807.192.000	73.945.811.250	73.945.811.250
- Công ty TNHH Fujifilm Việt Nam	18.203.896.771	18.203.896.771	28.598.334.236	28.598.334.236
- Konica Minolta, Inc.	6.409.838.563	6.409.838.563	286.958.103	286.958.103
- Các đối tượng khác	3.117.696.015	3.117.696.015	4.355.517.348	4.355.517.348
	49.538.623.349	49.538.623.349	107.186.620.937	107.186.620.937

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Trích trước chi phí tư vấn chuyên môn	6.486.144.576	14.481.353.625
- Trích trước hoa hồng kinh doanh	6.479.087.317	3.128.935.289
- Trích trước chi phí phải trả cho cá nhân góp vốn đầu tư vào hoạt động liên kết	5.839.777.105	5.647.823.408
- Trích trước chi phí bảo trì	1.073.769.282	363.765.780
- Trích trước chi phí thưởng	640.000.000	1.502.030.000
- Các khoản trích trước khác	3.030.316.805	426.525.053
	23.549.095.085	25.550.433.155

Công ty ước tính chi phí tư vấn chuyên môn, hoa hồng kinh doanh, chi phí phải trả cho cá nhân góp vốn đầu tư vào hoạt động liên kết và các chi phí ước tính khác trên cơ sở thỏa thuận đã ký với các đối tác. Ban Giám đốc Công ty đã ước tính đầy đủ nghĩa vụ phải trả cho các đối tác và khẳng định rằng chi phí phải trả thực tế sẽ không chênh lệch trọng yếu với chi phí đã ước tính và ghi nhận trên báo cáo tài chính riêng.

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	153.848.700	169.127.200
- Bảo hiểm xã hội	-	345.655.673
- Bảo hiểm y tế	-	62.834.060
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	27.110.249
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	903.719.138	844.828.812
	1.057.567.838	1.449.555.994
b. Dài hạn		
- Phải trả khác liên quan tới vốn liên kết đã nhận (i)	24.781.710.172	25.144.200.829
	24.781.710.172	25.144.200.829

(i) Phản ánh khoản tiền vốn nhận của các cá nhân góp vốn đầu tư vào hoạt động liên kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần		Quý đầu tư phát triển		(Lỗ lũy kế)		Tổng cộng	
	VND	VND		VND		VND		VND	
Số dư đầu năm trước	1.125.001.710.000	402.288.328.850		19.211.235.252		(1.058.692.375.597)		487.808.898.505	
Lợi nhuận trong năm	-	-		-		15.559.842.131		15.559.842.131	
Số dư đầu năm nay	1.125.001.710.000	402.288.328.850		19.211.235.252		(1.043.132.533.466)		503.368.740.636	
Lợi nhuận trong năm	-	-		-		5.985.334.356		5.985.334.356	
Số dư cuối năm nay	1.125.001.710.000	402.288.328.850		19.211.235.252		(1.037.147.199.110)		509.354.074.992	

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	112.500.171	112.500.171
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	112.500.171	112.500.171

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 17, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty đều là 1.125.001.710.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2020, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ.

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	39.021.585.500	30.680.642.448
- Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	8.249.279.097	(1.632.659.015)
- Chi phí tiền lương	15.425.053.381	15.501.087.846
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	15.347.253.022	16.812.213.617
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	80.133.080.489	71.576.357.150
- Chi phí tiền lương	24.623.273.879	22.298.429.290
- Các khoản chi phí bán hàng khác	55.509.806.610	49.277.927.860

27. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập từ hỗ trợ, hàng biếu tặng và thưởng từ nhà cung cấp	12.479.834.724	12.212.711.652
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	45.454.545	190.909.090
Các khoản khác	691.990.663	1.115.938.483
	13.217.279.932	13.519.559.225

28. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lỗ do thanh lý tài sản cố định, chi phí xây dựng cơ bản dở dang	966.294.963	66.859.400
Các khoản phạt	38.979.586	2.634.646.504
Các khoản khác	1.192.670.215	748.531.712
	2.197.944.764	3.450.037.616

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện tại (i)	-	-
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	665.730.403
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	665.730.403

- (i) Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty áp dụng theo tỷ lệ 20% trên thu nhập tính thuế. Công ty đã khấu trừ lỗ tính thuế các năm trước vào thu nhập chịu thuế năm hiện tại, số lỗ được chuyển cao hơn thu nhập chịu thuế do đó Công ty không phát sinh thu nhập tính thuế và thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020.

30. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn		
- Từ 1 năm trở xuống	4.495.007.438	4.006.734.433
- Trên 1 năm đến 5 năm	1.993.602.000	3.177.333.646
	6.488.609.438	7.184.068.079

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động thể hiện giá trị phải thanh toán theo các hợp đồng thuê văn phòng, thuê kho đã ký kết phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Kyoto Medical Science	Công ty con

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Bán hàng	2.073.528.137	28.571.428
Công ty TNHH Kyoto Medical Science	2.073.528.137	28.571.428
Mua hàng	327.272.727	327.272.727
Công ty TNHH Kyoto Medical Science	327.272.727	327.272.727

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu khách hàng	29.500.000	7.500.000
Công ty TNHH Kyoto Medical Science	29.500.000	7.500.000
Trả trước cho người bán	38.033.256.592	38.393.256.592
Công ty TNHH Kyoto Medical Science	38.033.256.592	38.393.256.592

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát	5.330.442.808	4.656.656.892

32. SỰ KIẾN SAU NGÀY KHÓA SỔ

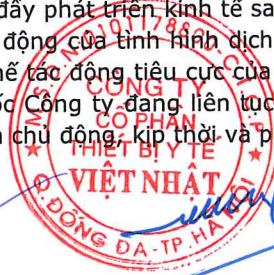
Sự lây lan của dịch bệnh do chủng virus Corona mới ("Covid-19") gây ra đã và đang tác động đến nền kinh tế thế giới, gây ảnh hưởng trên diện rộng và tạo ra nhiều thách thức cho hầu hết các lĩnh vực kinh tế cũng như xã hội. Chính phủ Việt Nam đã triển khai các giải pháp hiệu quả và chủ động ngay từ khi dịch bệnh bùng phát nhằm kiểm soát sự gia tăng của dịch bệnh, đồng thời thực hiện các biện pháp tích cực để khôi phục và thúc đẩy phát triển kinh tế sau thời gian giãn cách xã hội. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá tác động của tình hình dịch bệnh đối với hoạt động của Công ty và thực hiện các biện pháp để hạn chế tác động tiêu cực của dịch bệnh tới nhân viên và các hoạt động kinh doanh. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang liên tục theo dõi diễn biến dịch bệnh để có thể đưa ra giải pháp ứng phó một cách chủ động, kịp thời và phù hợp.



Nguyễn Thị Lụa
Người lập biểu



Lê Thị Hà Thanh
Kế toán trưởng



Vương Văn Anh
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 6 năm 2020